

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

LÊ THANH HUYỀN

THƯ VIỆN VIỆT NAM
THỜI KỲ PHÁP THUỘC

Chuyên ngành: Khoa học Thông tin - Thư viện
Mã số: 62 32 02 03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. TS. Trần Thị Minh Nguyệt**
- 2. TS. Vũ Thị Minh Hương**

Phản biện 1: TS. Chu Ngọc Lâm

Thư viện Hà Nội

Phản biện 2: PGS. TS. Trần Thị Quý

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội -
Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 3: TS. Nguyễn Thế Đức

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại:

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Số 418 Đường La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội

Vào hồi..... giờ ngày tháng năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thời kỳ Pháp thuộc là một giai đoạn lịch sử phức tạp của Việt Nam. Thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp đã chia Việt Nam thành ba kỳ với các chế độ cai trị khác nhau dẫn đến sự khác biệt về xã hội, văn hóa và làm thay đổi cơ cấu kinh tế giữa các vùng miền. Bối cảnh lịch sử phức tạp này đã tác động mạnh đến sự phát triển của thư viện Việt Nam. Thư viện trở thành công cụ phục vụ bộ máy cai trị, khai thác thuộc địa và áp đặt ảnh hưởng văn hóa Pháp trên toàn Đông Dương.

Đã có khá nhiều đề tài nghiên cứu sâu sắc về kinh tế, thương mại, văn hóa, xã hội..., tuy nhiên chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc, trên cơ sở xem xét các phương diện lịch sử và văn hóa. Chính vì vậy tôi chọn đề tài “Thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc” làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích

Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc; đánh giá vai trò của thư viện Việt Nam thời kỳ này trong lịch sử sự nghiệp thư Việt Nam nói riêng và tiến trình phát triển văn hoá dân tộc nói chung.

- Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định những nhân tố lịch sử, kinh tế, xã hội văn hóa, giáo dục tác động lên sự hình thành và phát triển của các thư viện thời kỳ Pháp thuộc;
- Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của mạng lưới thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc;
- Phân tích, đánh giá thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc trong lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam;
- Đánh giá vai trò của thư viện thời kỳ Pháp thuộc trong tiến trình phát triển văn hoá Việt Nam.

3. Đối tượng phạm vi nghiên cứu

Luận án chọn đối tượng nghiên cứu là tổ chức và hoạt động của mạng lưới thư viện Việt Nam do chính quyền thuộc địa Pháp thành lập và vận hành trong thời kỳ từ năm 1858 đến 1945.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác văn hóa và thư viện trong quá trình nghiên cứu.

Bên cạnh phương pháp chung, luận án sử dụng các phương pháp cụ thể như: lịch sử, logic, thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh và hệ thống hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: luận án hệ thống hóa và hoàn thiện cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động thư viện; góp phần làm sáng tỏ ảnh hưởng của những nhân tố lịch sử, văn hóa, xã hội tới sự vận động, phát triển của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc.

Về mặt thực tiễn: luận án làm sáng tỏ tổ chức và hoạt động của các thư viện trong thời kỳ Pháp thuộc; làm tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, học tập về lĩnh vực thư viện nói riêng và những người nghiên cứu về văn hóa, giáo dục Việt Nam nói chung.

6. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Để giải quyết các mục tiêu của luận án, tác giả sử dụng các nguồn tài liệu:

- Các tài liệu, công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, kinh tế Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc; các tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của mạng lưới thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc.
- Khảo sát các thư viện, trung tâm lưu trữ được xây dựng trong giai đoạn này về tổ chức, cơ cấu vốn tài liệu, sản phẩm và dịch vụ thông tin, công tác phục vụ bạn đọc... thông qua các tài liệu lưu giữ tại các thư viện và trung tâm lưu trữ trong và ngoài nước.

Tài liệu sử dụng trong luận án chủ yếu được thu thập được từ những cuộc khảo sát thực địa tại:

Việt Nam: Trung tâm lưu trữ quốc gia I (thuộc Cục lưu trữ Nhà nước); Thư viện Quốc gia Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội; Trường Viễn Đông bác cổ.

Cộng hòa Pháp: Trung tâm lưu trữ hải ngoại tại Aix en Provence; Trường Viễn Đông bác cổ và Thư viện Quốc gia ở Paris; Phòng thương mại và công nghiệp Lyon; Phòng thương mại và công nghiệp Marseille.

6.1. Tài liệu liên quan đến bối cảnh lịch sử thời kỳ Pháp thuộc

Bối cảnh lịch sử Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đã có khá nhiều công trình nghiên cứu quan trọng. Nhìn chung các tác giả đều nhất trí cho rằng những nguyên nhân bùng nổ cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp năm 1858 là triều đại phong kiến nhà Nguyễn đang đi vào giai đoạn khủng hoảng và suy vong trầm trọng; cùng với sự du nhập thiên chúa giáo, thương mại, tư tưởng và văn hóa phương Tây.

Nền kinh tế nước ta thời kỳ Pháp thuộc được đánh giá là nền kinh tế với mục đích phục vụ kinh tế của chính quốc nên mất cân đối, què quặt và phụ thuộc chịu ảnh hưởng kinh tế, chính trị của Pháp. Xã hội Việt Nam vô cùng phức tạp. Địa vị xã hội của người Việt Nam bị hạn chế, bất công, mất quyền tự do. Sự phân hóa giai cấp diễn ra rõ nét. Những giai cấp mới ra đời từ một nền kinh tế mang yếu tố tư bản như tầng lớp tiểu tư sản tăng nhanh ở các đô thị.

Xu hướng Âu hóa ở Việt Nam đã bắt đầu từ những năm giữa thế kỷ 17 với các ảnh hưởng của văn hóa và tôn giáo của phương Tây đã tác động mạnh mẽ lên văn hóa Việt Nam nói chung và hoạt động của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc nói riêng như sự du nhập của Thiên chúa giáo, sự ra đời của chữ Quốc ngữ; chính sách văn hóa của thực dân Pháp, sự du nhập của văn hóa Pháp, sự ra đời của báo chí, sự đổi mới của giáo dục và sự hình thành tầng lớp trí thức Tây học.

6.2. Tài liệu về thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của mạng lưới thư viện Việt Nam Thời kỳ Pháp thuộc có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả người Việt và người Pháp. Nhìn chung, các tác giả đều đánh giá thư viện Việt Nam thời kỳ này có những bước phát triển mới về tổ chức và hoạt động so với thư viện Việt Nam thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên, có thể do thiếu nguồn sử liệu, những đánh

giá về hoạt động thư viện thời kỳ này chưa đầy đủ; việc mô tả các khâu xử lý nghiệp vụ cũng như hoạt động thư mục còn rất khái quát; phân tích chính sách sử dụng và đào tạo nguồn nhân lực thư viện người Việt Nam rất sơ sài. Ngoài các công trình nghiên cứu trên, khối tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương là nguồn thông tin quan trọng phục vụ cho nghiên cứu về thư viện thời kỳ Pháp thuộc.

Tuy nhiên, có thể do thiếu tư liệu nên các công trình nghiên cứu về thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc chưa phân tích, đánh giá được những điểm mạnh, yếu của hoạt động của thư viện thời kỳ này. Đặc biệt, chưa có công trình nghiên cứu nào làm rõ ảnh hưởng của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc tới tiến trình phát triển thư viện trong lịch sử nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung, cũng như những bài học rút ra từ tổ chức và hoạt động của thư viện thời kỳ này đối với sự phát triển sự nghiệp thư viện Việt Nam ngày nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề chung về thư viện và bối cảnh lịch sử Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Chương 2. Thực trạng thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Chương 3. Ảnh hưởng của thư viện thời Pháp thuộc trong sự nghiệp thư viện và văn hóa Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THƯ VIỆN VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA THƯ VIỆN VIỆT NAM THỜI KỲ PHÁP THUỘC

1.1. Những vấn đề chung về thư viện

Để đánh giá về tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc, luận án nghiên cứu một số khái niệm về thư viện và thống nhất coi thư viện là nơi tàng trữ và sử dụng tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc của cộng đồng. Luận án mở rộng nghiên cứu một số khái niệm về thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học,

thư viện phổ thông (thư viện đại chúng), thư viện trung ương, thư viện trung tâm. Luận án tập trung nghiên cứu cấu trúc của thư viện với các yếu tố cấu thành như vốn tài liệu, người dùng tin, nhân lực thư viện và cơ sở vật chất. Qua đó, có thể thấy thư viện thường có bốn vai trò cơ bản đối với xã hội: văn hóa, giáo dục, thông tin và giải trí.

Tiếp theo, để tìm hiểu, đánh giá sự nghiệp thư viện, luận án xem xét hai khía cạnh tổ chức và hoạt động thư viện trong mối quan hệ tương tác với nhau như một thiết chế xã hội hoàn chỉnh. Sự nghiệp thư viện (tổ chức và hoạt động) chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan (chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, xu thế chung của thời đại, môi trường sinh thái) và chủ quan (con người, quản lý và cơ sở vật chất).

Để đánh giá sự nghiệp thư viện, luận án căn cứ vào nhiều tiêu chí. Về tổ chức thư viện, có thể sử dụng các tiêu chí như tính hợp lý trong cơ cấu mạng lưới thư viện, từng thư viện; cơ chế vận hành hiệu quả mạng lưới thư viện, từng thư viện; sự tương thích của nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Hiệu quả hoạt động thư viện được xem xét ở mức độ đáp ứng yêu cầu của xã hội, nhiệm vụ của thư viện.

1.2. Bối cảnh lịch sử của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Thời kỳ Pháp thuộc là một giai đoạn lịch sử nhiều biến động. Chính sách thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo nên sự phức tạp của xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục.

1.2.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Đặc điểm chính trị: Sau khi bị thực dân Pháp chiếm toàn bộ lãnh thổ, Việt Nam chuyển từ chế độ quân chủ tập quyền, đứng đầu là phong kiến nhà Nguyễn, sang chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Thực dân Pháp đã thiết lập một thể chế chính trị mang tính chia cắt với những chế độ chính trị và thể chế khác nhau ở Việt Nam.

Đặc điểm kinh tế: Nền kinh tế Việt Nam thời Pháp thuộc là nền kinh tế thuộc địa, chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, chính trị của Pháp. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn chỉ là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp yếu ớt, mất cân đối. Các cuộc khai thác thuộc địa mà Pháp tiến hành ở những giai đoạn khác nhau với

cường độ và từng lĩnh vực cũng khác nhau đều phục vụ việc khôi phục và phát triển nền kinh tế của chính quốc.

Đặc điểm xã hội: Chính sách thuộc địa, thể chế chính trị, sự thiết lập kinh tế tư bản chủ nghĩa đã làm phân hóa giai cấp sâu sắc: giai cấp địa chủ ngày càng giàu có, cấu kết chặt chẽ với thực dân; giai cấp nông dân ngày càng bị bần cùng hóa, giai cấp công nhân ra đời và phát triển mạnh mẽ; tầng lớp tiểu tư sản ra đời và tăng nhanh ở các đô thị. Địa vị xã hội của người Việt Nam bị hạn chế. Mọi quyền tự do của nhân dân ta đều bị phế bỏ.

Đặc điểm văn hóa: Xu hướng Âu hóa ở Việt Nam đã bắt đầu từ những năm giữa thế kỷ 17 với ảnh hưởng của văn hóa và tôn giáo của phương Tây như sự du nhập của Thiên chúa giáo, sự ra đời của chữ Quốc ngữ, chính sách văn hóa của thực dân Pháp, sự du nhập của văn hóa Pháp, sự ra đời của báo chí, sự đổi mới của giáo dục và sự hình thành tầng lớp trí thức mới. Đây là giai đoạn chính sách văn hóa và giáo dục được mở rộng, mạng lưới thư viện Việt Nam được quan tâm mở rộng, tiêu biểu là sự ra đời của Thư viện Trung ương Đông Dương. Tuy nhiên Chính sách văn hóa là một phần của chính sách thuộc địa nhằm phục vụ mục đích cai trị của thực dân Pháp về văn hóa.

1.2.2. Khái quát sự hình thành và phát triển của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa ở Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành và phát triển mạng lưới thư viện ở Việt Nam. Giai đoạn 1858-1917, thực dân Pháp tập trung vào thiết lập bộ máy cai trị và bộ máy hành chính ở Đông Dương. Thời kỳ này hoạt động của thư viện và lưu trữ chưa được quan tâm thích đáng. Kinh phí chính quyền thuộc địa dành cho lĩnh vực này còn rất hạn hẹp. Những thư viện đầu tiên ra đời phục vụ cho bộ máy hành chính nhưng hoạt động chưa hiệu quả.

Sau khi Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương ra đời (29/11/1917), thư viện Việt Nam đã có những chuyển biến lớn và căn bản. Từ 1917 đến 1945, chính quyền thuộc địa đã áp dụng một loạt các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ thư viện tiên tiến thời đó vào các thư viện mới được thành lập. Bên cạnh việc phục vụ bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương, thư viện Việt Nam đã có những thay đổi

lớn về tổ chức và hoạt động và trở thành trung tâm tri thức và văn hóa của Đông Dương.

Tiểu kết chương 1

Sự nghiệp thư viện bao gồm tổ chức và hoạt động thư viện trên phương diện vĩ mô và vi mô. Tổ chức và hoạt động thư viện có mối quan hệ biện chứng tạo nên sự tồn tại và phát triển bền vững của sự nghiệp thư viện. Sự nghiệp thư viện được đánh giá thông qua một số tiêu chí cơ bản về tổ chức và hoạt động thư viện trên cơ sở nguyên tắc tổ chức sự nghiệp thư viện và chức năng của thư viện đối với xã hội. Thư viện là một thiết chế văn hóa thể hiện trình độ của dân tộc và giai cấp chịu tác động của các yếu tố khách quan (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội) và các yếu tố chủ quan (con người, quản lý và cơ sở vật chất).

Sự nghiệp thư viện chịu ảnh hưởng từ những yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa thời kỳ Pháp thuộc. Sự ra đời và phát triển của thư viện Việt Nam thời Pháp thuộc có thể được chia thành hai giai đoạn: từ 1858 đến tháng 11 năm 1917 (thời điểm đánh dấu sự ra đời của Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương) và từ tháng 11 năm 1917 đến năm 1945.

Chương 2

THỰC TRẠNG THƯ VIỆN VIỆT NAM THỜI KỲ PHÁP THUỘC

2.1. Thư viện Việt Nam giai đoạn 1858 – 1917

2.1.1. Tổ chức thư viện

Mục tiêu của tổ chức thư viện: Mục tiêu của tổ chức thư viện thời kỳ này là phục vụ mục đích xâm lược thuộc địa.

Cơ cấu mạng lưới thư viện: Mạng lưới thư viện thời kỳ này tuy chưa rộng khắp về qui mô nhưng cũng đã hình thành 2 loại hình chủ yếu: thư viện công cộng (thư viện tỉnh, thư viện đại chúng), thư viện chuyên ngành.

Cơ sở vật chất và ngân sách: Các thư viện hoạt động trong kinh phí của cơ quan, tổ chức và địa phương phụ trách. Với nguồn kinh phí của các cơ quan tổ chức thành lập thư viện, vấn đề xây dựng

trụ sở cũng như trang bị cơ sở vật chất cho thư viện giai đoạn này chưa được quan tâm.

Nhân lực thư viện: Nhân lực thư viện thời kỳ này chưa chuyên nghiệp. Công tác đào tạo cán bộ thư viện hầu như không được quan tâm. Nhân sự hoàn toàn không có kỹ năng chuyên môn, số lượng thiếu và không ổn định.

2.1.2. Hoạt động thư viện

Xây dựng và phát triển vốn tài liệu: Vốn tài liệu của các thư viện thời kỳ này ít về số lượng và chủng loại. Nguồn bổ sung tài liệu chủ yếu từ sưu tầm trong và ngoài nước, chưa có chính sách và diện bổ sung cụ thể cho từng loại thư viện do chưa có một cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền điều hành hoạt động của mạng lưới thư viện.

Xử lý tài liệu: Mặc dù Pháp là một nước đi đầu trong lĩnh vực thư viện ở châu Âu, nhưng giai đoạn này, hoạt động thư viện và lưu trữ ở Đông Dương chưa được quan tâm, việc xử lý nghiệp vụ trong các thư viện ở Việt Nam thời kỳ này chưa được thực hiện theo quy tắc thống nhất.

Tổ chức và bảo quản tài liệu: Phần lớn các thư viện chưa có kho riêng để lưu giữ và bảo quản tài liệu. Tài liệu chưa được tổ chức và bảo quản hợp lý nên rất nhiều tài liệu có giá trị bị thất lạc hoặc ở trong tình trạng vật lý kém.

Sản phẩm thư viện: Sản phẩm thư viện giai đoạn này đã hình thành hai loại cơ bản: Mục lục và thư mục. Hoạt động này đặt nền móng cho sản phẩm thư viện ở giai đoạn tiếp theo. Các thư viện giai đoạn này đều tổ chức hai loại mục lục chủ yếu: mục lục chữ cái tên tác giả và mục lục phân loại. Thư mục được các tác giả người Pháp ở Đông Dương quan tâm biên soạn. Những thư mục được biên soạn thời kỳ này tuy chưa quan tâm nhiều đến kỹ thuật nghiệp vụ nhưng là một thành công trong việc tập hợp những tài liệu ở Đông Dương phục vụ cho những người nghiên cứu.

Về nội dung, các tài liệu đưa vào thư mục là những tài liệu liên quan đến những vấn đề tổng quát, lịch sử, địa lý, phong tục, ngôn ngữ của các nước ở Đông Dương; cuộc xung đột Pháp - Hoa, hành trình và nghiên cứu của các nhà truyền giáo ở Đông Dương... Về phương pháp, các thư mục được biên soạn trong giai đoạn này chưa

thống nhất về hình thức và phương pháp biên soạn vì các tác giả tập trung nhiều hơn vào việc thu thập các tài liệu đưa vào thư mục. Đã xuất hiện hình thức thư mục bậc hai (thư mục của thư mục).

Phục vụ bạn đọc: Các thư viện thời kỳ này chủ yếu áp dụng hai hình thức phục vụ phục vụ đọc tại chỗ và cho mượn về nhà. Phục vụ đọc tại chỗ thường dưới hình thức là những phòng đọc nhỏ ở các cơ quan hành chính và các thư viện công cộng do qui mô thư viện chưa lớn, chưa có qui chế hoạt động rõ ràng. Hoạt động của các phòng đọc và phòng mượn chưa được quy định chặt chẽ, chưa ghi lại các con số thống kê liên quan đến lượt đọc, lượt sử dụng thư viện, lượt luân chuyển sách báo.

2.2. Thư viện Việt Nam giai đoạn 1917 – 1945

2.2.1. Tổ chức thư viện

Tổ chức thư viện giai đoạn này đã có những chuyển biến rõ nét từ quản lý, tổ chức mạng lưới đến cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và ngân sách. Thư viện đã vận hành và phát triển theo mô hình thư viện hiện đại.

Mục tiêu của tổ chức thư viện: Với mong muốn xây dựng Đông Dương thành một thuộc địa thực thụ, Pháp xây dựng ở thuộc địa những cơ quan văn hóa, thư viện phục vụ tầng lớp trí thức - đội ngũ có vai trò quan trọng trong công cuộc khai thác thuộc địa. Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương ra đời vào 11/1917 là một trong những cơ quan được thành lập để hiện thực hóa mục đích chính trị này.

Cơ cấu mạng lưới thư viện: Ở Pháp, thời kỳ này, các thư viện được phân chia thành các loại hình: Thư viện Quốc gia, thư viện tỉnh, thư viện đại học và thư viện chuyên ngành. Mạng lưới thư viện ở Đông Dương được áp dụng theo mô hình của Pháp gồm 2 loại hình chính: thư viện công cộng và thư viện chuyên ngành tập trung ở 3 kỳ thuộc Việt Nam. Tuy nhiên, tài liệu minh chứng về các thư viện thời này rất hạn chế.

Cơ sở vật chất và ngân sách: Sau khi thành lập Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, cơ sở vật chất và ngân sách của thư viện đã được chính quyền thuộc địa quan tâm hơn giai đoạn trước.

Việc xây dựng kho tàng, cơ sở vật chất cho các lưu trữ và thư viện cũng bị ảnh hưởng nhiều từ tình hình kinh tế của Pháp. Từ 1917 cho đến năm 1945, kế hoạch xây dựng các trụ sở Lưu trữ - Thư viện đều không thực hiện được do những khó khăn về kinh tế và chiến tranh. Ngân sách dành cho thư viện thời kỳ này tuy tăng đều hàng năm nhưng việc phân bổ ngân sách cho cơ sở vật chất và các hoạt động của thư viện chưa đều và chưa xứng đáng.

Nhân lực thư viện

Cơ cấu nhân sự và chính sách tuyển dụng: Nhân lực thư viện giai đoạn này có những thay đổi lớn về chất và lượng so với giai đoạn trước. Cơ cấu nhân sự lưu trữ và thư viện thời kỳ này được chia thành hai ngạch bậc viên chức: dành cho người Pháp, người Âu và dành cho người bản xứ. Nhân sự của các cơ quan lưu trữ, thư viện của Đông Dương được tuyển trực tiếp và điều chuyển từ các cơ quan khác. Nhân sự người bản xứ được tuyển dụng với số lượng ít và điều kiện rất ngặt nghèo.

Sử dụng nhân lực: Chính sách sử dụng nhân lực nói chung và nhân lực thư viện nói riêng giai đoạn này chịu ảnh hưởng của chính sách nô dịch của chính quyền thuộc địa. Nhân lực người bản xứ chủ yếu đảm nhiệm những công việc hạ tầng, chế độ lương bổng chịu sự phân biệt đối xử của chính quyền thuộc địa. Tuy nhiên, chính sách sử dụng nhân lực theo ngạch bậc có ưu điểm là thiết lập những tiêu chí rõ ràng cho từng vị trí việc làm.

Việc thăng cấp chủ yếu là do tuyển chọn. Vị trí viên chức hạng cao nhất dành cho viên chức người Âu và người Pháp. Không có viên chức bản xứ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo hạng cao nhất trừ ông Ngô Đình Nhu.

Chế độ đãi ngộ: Chế độ đãi ngộ đối với nhân lực thư viện có sự phân biệt lớn giữa người Âu, người Pháp và người bản xứ, thể hiện qua chế độ lương bổng, phụ cấp, kỷ luật.

Đào tạo nguồn nhân lực thư viện: Chương trình đào tạo và thi tuyển vào các vị trí nhân sự thư viện giai đoạn này thể hiện những ưu điểm lớn trong việc xây dựng nguồn nhân lực trong các thư viện. Đào tạo nguồn nhân lực thư viện được thực hiện theo hai phương thức: Đào tạo chính ngạch (tại Trường quốc gia cổ tự, Pháp) và đào tạo tại

chỗ. Người bản xứ có rất ít cơ hội được đào tạo tại Pháp do điều kiện kinh tế hạn hẹp. Chương trình đào tạo rất chú trọng kỹ năng thực hành giúp học viên những phương pháp làm việc như ở chính quốc.

2.2.2. Hoạt động thư viện

2.2.2.1. Xây dựng và phát triển vốn tài liệu

Cơ cấu vốn tài liệu: Do bị chi phối bởi chính sách thuộc địa, việc bổ sung vốn tài liệu của các thư viện thời kỳ này không cân đối. Sách văn học chiếm tỉ lệ cao nhất (gần 50% vốn sách, Thư viện Trung ương Đông Dương). Hàng năm, tỉ lệ bổ sung giữa các lĩnh vực tương tự như nhau thể hiện rõ mục đích của chính quyền thuộc địa trong việc gây ảnh hưởng văn hóa, kích thích nhu cầu giải trí, không quan tâm đến phát triển khoa học kỹ thuật.

Phương thức bổ sung: Vốn tài liệu của các thư viện được bổ sung bằng phương thức phải trả tiền và không phải trả tiền (bao gồm biếu tặng, cung cấp hành chính, trao đổi). Riêng Thư viện Trung ương Đông Dương có thêm phương thức bổ sung là nhận lưu chiểu.

Với các phương thức bổ sung khác nhau, các thư viện thời kỳ Pháp thuộc đã xây dựng được vốn tài liệu tương đối lớn, tiêu biểu là Thư viện Trung ương Đông Dương, Thư viện Sài Gòn và Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ.

Đến năm 1943, vốn tài liệu của Thư viện Trung ương Đông Dương đạt 108.921 bản, thư viện Sài Gòn đạt 47.259 bản, Thư viện Trung Kỳ đạt 4.156 bản. Thư viện EFEO là thư viện có vốn tài liệu tương đối lớn. Trong vòng 50 năm thư viện này đã có 85.000 cuốn sách và gần 35.000 tài liệu các dạng khác. Một số thư viện khác cũng có vốn tài liệu tăng nhanh như Thư viện Hải học viện – Nha Trang (8.000 bản), Thư viện của Đại học Đông Dương Hà Nội (14.000 bản), thư viện trường Đại học Y – Dược Hà Nội (5.000 bản).

Kinh phí bổ sung: Việc bổ sung các loại sách báo, xuất bản phẩm của thư viện công ở Đông Dương được lấy từ kinh phí trích từ các khoản chi cho việc tu bổ và làm cơ sở mới. Hàng năm, bên cạnh kinh phí thường xuyên cho việc bổ sung vốn tài liệu, thư viện dành kinh phí cho việc mua, cũng như tu bổ, phục chế tài liệu.

2.2.2.2. Xử lý tài liệu

Vấn đề xử lý tài liệu đã được Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương qui định thống nhất từ quy trình xử lý tài liệu, biên mục mô tả và phân loại tài liệu.

Quy trình xử lý tài liệu: Sách nhập vào thư viện được xử lý theo qui trình thủ công nhưng chặt chẽ, không chồng chéo giữa các khâu nghiệp vụ (qui định cụ thể trong *Cẩm nang sắp xếp thư viện ở Đông Dương*).

Đăng ký tài liệu bao gồm các số: Đăng ký cá biệt, Đăng ký vị trí, Cho mượn.

Biên mục mô tả tuân theo *Cẩm nang sắp xếp thư viện ở Đông Dương* có điều chỉnh để phù hợp đặc điểm xuất bản và chế độ chính trị xã hội ở Đông Dương và Việt Nam. Từ những năm đầu thế kỷ 20, thư viện ở Đông Dương đã được áp dụng qui tắc biên mục tài liệu giống như qui tắc biên mục tài liệu của Pháp. Những qui định thống nhất trong việc mô tả thư mục đã góp phần xây dựng những phương tiện tra cứu khoa học, tạo điều kiện tra tìm tài liệu nhanh và hiệu quả.

Phân loại tài liệu: Thư viện giai đoạn này đã áp dụng Khung phân loại thập phân quốc tế (Cadre de classement bibliographie du système décimal international) để phân loại tài liệu. Lần đầu tiên, tài liệu thư viện ở nước ta thời kỳ này được phân loại theo một bảng phân loại tương đối khoa học và chi tiết.

2.2.2.3. Tổ chức và bảo quản tài liệu

Tổ chức tài liệu

Cách sắp xếp tài liệu thư viện được qui định giống như ở các thư viện của Pháp và các nước phương Tây phát triển thời kỳ này. Thư viện áp dụng sắp xếp kho theo 2 cách: theo chủ đề và tác giả (cách xếp ở kho mượn) và theo khổ cỡ (cách xếp ở kho đọc).

Bảo quản tài liệu: Kho tài liệu được xây dựng theo kiến trúc kho tài liệu kiểu Pháp có tính đến yếu tố khí hậu nhiệt đới ở Việt Nam. Kho được xây bằng bê tông cốt thép kiên cố, tường dày, đảm bảo cách nhiệt tốt. Kiến trúc kho tàng luôn ưu tiên đảm bảo điều kiện thông gió tự nhiên.

Kiểm kê: Công tác kiểm kê, vệ sinh kho tàng và các biện pháp bảo quản được tuân theo các phương pháp của Pháp, do các nhân viên thư viện bản xứ trực tiếp thực hiện.

Vệ sinh sách và kho tàng: Vệ sinh kho tàng là một trong những công tác bảo quản tài liệu được Pháp quan tâm. Qui trình và cách thức vệ sinh kho tàng được qui định bắt buộc đối với các thư viện trong mạng lưới. Thư viện Trung ương Đông Dương áp dụng qui định này một cách nghiêm chỉnh. Công tác vệ sinh kho tàng được các nhân viên thư viện bản xứ đảm nhiệm theo qui trình kỹ thuật.

Phòng và chống côn trùng: Biện pháp phòng ngừa côn trùng được ưu tiên nhất là giữ kho tàng, giá sách luôn thông gió, có đủ ánh sáng và giữ sách trong trạng thái sạch sẽ. Lần đầu tiên các thư viện Việt Nam sử dụng biện pháp phòng chống côn trùng bằng hóa chất.

2.2.2.4. Sản phẩm thư viện

Từ những tiến bộ về xử lý nghiệp vụ, các thư viện thời kỳ này đã xây dựng được các sản phẩm thư viện giúp độc giả có thể tìm tài liệu nhanh chóng và hiệu quả. Các sản phẩm thư viện tiêu biểu thời kỳ này bao gồm: mục lục và thư mục.

Mục lục: Hệ thống mục lục tại các thư viện ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng được tổ chức giống các thư viện ở châu Âu và Pháp, trong đó Thư viện Trung ương Đông Dương được tổ chức như một thư viện mẫu. Có hai loại mục lục được tổ chức: mục lục chữ cái và mục lục chủ đề. Những mục lục này được sắp xếp theo thứ tự chữ cái tên tác giả hoặc tên sách, chữ cái tên chủ đề.

Thư mục: Phục vụ cho việc nghiên cứu khai thác thuộc địa, các thư viện ở Đông Dương, tiêu biểu là thư viện Trung ương Đông Dương và Thư viện EFEO đã tiến hành biên soạn các loại thư mục nhằm kiểm soát các nguồn tài liệu bao gồm một số thư mục có giá trị sau: Thư mục tổng quát về Pháp, Thư mục Đông Dương và một số thư mục khác như Thư mục địa chí, Thư mục ấn phẩm định kỳ và Thư mục thông báo sách mới.

2.2.2.5. Phục vụ bạn đọc

Đối tượng phục vụ: Đối tượng phục vụ trong các thư viện phân biệt đối xử giữa người Âu và người Á. Người Âu chỉ bị giới hạn về độ

tuổi còn người Á thì bị giới hạn rất nhiều tiêu chí (hướng đến những người trong ngành giáo dục và cơ quan của chính quyền, nhà báo).

Hình thức phục vụ: Giai đoạn này, các thư viện đã áp dụng hai hình thức phục vụ chủ yếu là phục vụ đọc tại chỗ và mượn về nhà. Bên cạnh đó, có hai hình thức phục vụ mới và tiến bộ là phục vụ thiếu nhi và phục vụ lưu động.

Triển lãm tài liệu: Với mục đích quảng bá hình ảnh của Pháp với thế giới, giới thiệu văn hóa Đông Dương và Việt Nam, chính quyền thuộc địa cũng tổ chức các cuộc triển lãm tư liệu cùng với các hội chợ, triển lãm phục vụ mục đích xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Đây là một hoạt động tuyên truyền mới xuất hiện của thư viện. Đa số các cuộc triển lãm tư liệu này đều do Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương chủ trì tổ chức.

2.3. Đánh giá thực trạng thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

2.3.1. Tổ chức thư viện

Ưu điểm: Có thể nói, ngay từ khi chiếm toàn bộ Đông Dương và trong cả quá trình khai thác, đô hộ nước ta, thực dân Pháp đã quan tâm đến việc thành lập, phát triển thư viện và đã đạt được những thành tựu nhất định. Mạng lưới thư viện đã bước đầu được thiết lập và từng bước kiện toàn bộ máy quản lý. Từ việc các thư viện được thành lập riêng lẻ trong các cơ quan hành chính và nghiên cứu, mạng lưới thư viện đã từng bước hình thành. Nha Lưu trữ và thư viện Đông Dương được chính quyền thuộc địa thành lập với mục đích quản lý nhà nước về lĩnh vực thư viện trên toàn Đông Dương đánh dấu bước ngoặt của sự nghiệp thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc. Mạng lưới thư viện được thành lập theo mô hình của Pháp: thư viện công cộng và thư viện chuyên ngành. Các thư viện này đã đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ các đối tượng đọc tiếp cận với văn hóa và giáo dục hiện đại.

Hạn chế và nguyên nhân: Do được thành lập bởi chính quyền thuộc địa và chịu ảnh hưởng của chính sách thuộc địa nên tổ chức của các thư viện bộc lộ những hạn chế nhất định. Mạng lưới thư viện chủ yếu vẫn tập trung ở các đô thị lớn phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa nên chưa cân đối giữa các vùng miền. Việc sử dụng và đào tạo nhân lực thư viện chưa được quan tâm. Những vị trí quan trọng

trong thư viện vẫn do người Pháp đảm nhiệm nên người Việt không có cơ hội để tiếp cận công nghệ và cách quản lý thư viện. Đào tạo nhân lực bản xứ không được thực hiện kịp thời và chỉ dừng ở đào tạo nghề.

2.3.2. Hoạt động thư viện

Ưu điểm: Việc xây dựng vốn tài liệu phục vụ nghiên cứu khoa học được chính quyền thuộc địa quan tâm hàng đầu. Vốn tài liệu của các thư viện đã được tổ chức theo mô hình của các thư viện của Pháp từ xử lý kỹ thuật, sắp xếp bố trí phòng đọc, phòng mượn, tổ chức kho tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm và sử dụng của bạn đọc. Việc bảo quản và sử dụng lâu dài vốn tài liệu cũng được đặc biệt quan tâm bằng cách áp dụng các phương pháp bảo quản tiên tiến. Nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu người đọc, các thư viện đã sử dụng phương thức phục vụ đa dạng: tại chỗ, cho mượn về nhà, phục vụ thiếu nhi. Ngoài ra, thư viện còn tổ chức các hình thức phục vụ lưu động được áp dụng ở những vùng hẻo lánh và phục vụ nhu cầu đọc cho nhà tù. Về khả năng lôi cuốn, bạn đọc được tạo cảm giác thân thiện khi đến sử dụng thư viện, được hướng dẫn đọc sách hiệu quả, cũng như được hình thành thói quen tiếp nhận thông tin kiểu mới (chưa từng có ở các thư viện thời kỳ phong kiến). Số lượt bạn đọc tăng nhanh mỗi năm đặc biệt vào những năm 1940, 1941 đã thể hiện được sự ảnh hưởng của thư viện đối với đời sống tinh thần người dân và nhu cầu thông tin ngày càng cao của công chúng thời kỳ này.

Hạn chế và nguyên nhân: Một trong những hạn chế cơ bản nhất của hoạt động thư viện thời kỳ này là thành phần vốn tài liệu của các thư viện không cân đối với mục đích làm cho nhân dân ta chủ yếu chỉ tiếp cận được với văn học Pháp và phương Tây hướng đến việc chấp nhận hoàn toàn văn hóa và sau đó là chấp nhận sự đô hộ của người Pháp. Để thực hiện mục đích này, thư viện cũng có những định hướng về đối tượng sử dụng. Ngoài việc quy định tuổi của người đọc bản xứ cao hơn người người Pháp và người Âu, các qui định về trình độ cũng hạn chế cơ hội được sử dụng thư viện của người Việt Nam. Mặt khác, mạng lưới các thư viện công cộng và chuyên ngành cũng chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị nơi tập trung các bộ máy hành chính của chính quyền thuộc địa. Những hạn chế này bắt nguồn từ mục đích khai thác thuộc địa chứ không phải nhằm mục đích nâng cao dân trí và thỏa mãn nhu cầu thông tin của

người Việt. Thư viện chủ yếu phục vụ các viên chức làm việc trong bộ máy của chính quyền thuộc địa, các giáo sư, giảng viên, giáo viên và sinh viên, những người có ảnh hưởng, có tác dụng tuyên truyền văn hóa, văn minh Pháp.

Tiểu kết chương 2

Sự phát triển của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc được chia thành hai giai đoạn (1858 - 1917 và 1917 - 1945) với những đặc điểm riêng biệt về tổ chức và hoạt động. Giai đoạn từ 1858 đến 1917, các thư viện và lưu trữ được thành lập ngay trong bộ máy hành chính. Mặc dù chưa được đầu tư thích đáng, nhân lực thư viện còn thiếu và chưa được đào tạo bài bản, các thư viện ở Việt Nam đã từng bước hình thành, bao gồm thư viện công cộng và thư viện chuyên ngành. Tổ chức và hoạt động của các thư viện giai đoạn này còn đơn giản, tự phát và chưa có quy định thống nhất.

Từ 1917 đến 1945, Nha lưu trữ và thư viện Đông Dương ra đời đã dần dần đưa mạng lưới thư viện Việt Nam đi vào hoạt động quy củ và thống nhất. Các thư viện công cộng giai đoạn này được thành lập ở những thành phố lớn. Các văn bản pháp qui qui định tổ chức và hoạt động của thư viện đã tạo hành lang pháp lý giúp thư viện tổ chức và hoạt động ổn định và phát triển lên một bước mới so với giai đoạn trước.

Chương 3

ẢNH HƯỞNG CỦA THƯ VIỆN VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC TRONG SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

3.1. Ảnh hưởng của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc tới sự nghiệp thư viện Việt Nam

3.1.1. Chuyển đổi mô hình thư viện phong kiến sang mô hình thư viện hiện đại

Thư viện Việt Nam thời kỳ này đã có những biến chuyển mạnh mẽ về cả mô hình tổ chức và hoạt động.

3.1.1.1. Hình thành mạng lưới thư viện

Thời kỳ Pháp thuộc, mô hình thư viện hiện đại, mạng lưới thư viện bắt đầu hình thành. Mạng lưới thư viện bao gồm thư viện công cộng, đại chúng và thư viện chuyên ngành. Đối tượng phục vụ đã mở rộng tới một bộ phận công chúng.

Tăng cường quản lý nhà nước với thư viện: Từ năm 1917, vấn đề tổ chức quản lý nhà nước trong lĩnh vực thư viện đã thể hiện rõ bằng việc thành lập Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, đại diện cho Toàn quyền Đông Dương quản lý nhà nước lĩnh vực thư viện và lưu trữ.

Bước đầu chú trọng đào tạo nguồn nhân lực: Chính quyền thuộc địa đã thiết lập các khóa đào tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành để giải quyết sự thiếu hụt về nhân lực thư viện.

Bất bình đẳng trong việc sử dụng nguồn nhân lực: Vấn đề sử dụng nhân lực thư viện thời Pháp thuộc bộc lộ sự phân biệt đối xử của thực dân Pháp đối với người bản xứ.

3.1.1.2. Xây dựng và tổ chức kho tài liệu theo các qui tắc thống nhất

Các thư viện thời kỳ Pháp thuộc đã áp dụng những quy tắc của Pháp vào việc xây dựng, phát triển vốn tài liệu và tổ chức kho tài liệu. Những hình thức bổ sung vốn tài liệu bằng nhiều phương thức khác nhau đã làm hình thành một khối lượng tài liệu đáng kể ở Việt Nam.

3.1.1.3. Xử lý nghiệp vụ thư viện theo phương pháp và qui tắc thống nhất

So với trước thế kỷ 19, việc xử lý tài liệu của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp đã có một bước tiến lớn, theo xu hướng sâu hơn, chuẩn hóa hơn đáp ứng và phù hợp với tình hình phát triển của xuất bản phẩm gia tăng khi nghề in ấn, xuất bản du nhập vào nước ta. Pháp đã áp dụng cho các thư viện ở Đông Dương quy trình tổ chức, bảo quản và phục vụ độc giả hiện đại, được tiêu chuẩn hóa.

3.1.1.4. Sự đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thư viện

Có hai loại mục lục được thiết lập trong các thư viện thời kỳ này là: mục lục chữ cái và mục lục chủ đề. Việc xây dựng được hai

loại mục lục cơ bản này dựa trên thành tựu về biên mục và phân loại tài liệu của Pháp. Mặc dù các mục lục mới ở dạng truyền thống nhưng đã góp phần giúp độc giả tiếp cận với tài liệu nhanh chóng, làm thay đổi chất lượng phục vụ trong bối cảnh lưu lượng độc giả đến đọc sách ngày càng nhiều.

3.1.1.5. Một số hạn chế

Bất bình đẳng trong phục vụ bạn đọc: Đối tượng phục vụ trong các thư viện phân biệt đối xử giữa người Âu và người Á. Rất nhiều tiêu chí để giới hạn người Á sử dụng thư viện. Như vậy, mặc dù đã hình thành rất nhiều, nhưng trên thực tế các thư viện vẫn không được hoạt động theo chức năng cộng đồng của mình.

Mất cân đối trong phát triển vốn tài liệu: Sự mất cân đối trong thành phần vốn tài liệu của thư viện thời kỳ này đã làm hạn chế khả năng tiếp cận của người đọc tới các lĩnh vực khoa học tiên tiến và định hướng người đọc chấp nhận văn hóa và sự nô dịch của Pháp.

3.1.2. Đặt nền móng lý luận và thực tiễn cho thư viện Việt Nam hiện đại

3.1.2.1. Về lý luận

Có thể nói, thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đã tạo một bước biến chuyển mới về tổ chức và hoạt động từ việc áp dụng tổ chức mạng lưới đến tạo hành lang pháp lý cho sự nghiệp thư viện, áp dụng những tiên bộ về tiêu chuẩn, qui tắc nghiệp vụ tạo ra một chất lượng mới trong lĩnh vực thư viện và đặt nền móng cho thư viện Việt Nam hiện đại. Điều này đã giúp thư viện Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với xu thế chuẩn hóa và thống nhất của thư viện thế giới ngày nay.

Những vấn đề lý luận về thư viện hiện đại đã được du nhập vào Việt Nam từ thời Pháp thuộc thông qua vốn các tài liệu trong thư viện. Hệ thống văn bản pháp qui quản lý nhà nước trong lĩnh vực thư viện thời kỳ Pháp thuộc đã tạo tiền đề cho tổ chức và hoạt động của mạng lưới thư viện Việt Nam hiện đại.

Phương pháp đào tạo nhân lực thư viện hiện đại, chú trọng thực hành là kinh nghiệm tham khảo cho công tác đào tạo cán bộ thư viện hiện nay.

3.1.2.2. Về thực tiễn

Phương pháp bảo quản mới: Kinh nghiệm bảo quản tài liệu của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đóng góp đáng kể cho thư viện Việt Nam hiện đại. Xét trên phương diện kỹ thuật, việc bảo quản tài liệu được áp dụng theo nhiều phương pháp linh hoạt, hợp lý, phù hợp với khí hậu, không áp đặt theo một khuôn mẫu cứng nhắc của một thư viện nào. Đây là một thành công trong xây dựng kho tàng trong điều kiện vật chất hạn chế.

Thiết lập chức năng cơ bản cho Thư viện Quốc gia Việt Nam: Hoạt động của thư viện thời Pháp thuộc mà điển hình là hoạt động của Thư viện Trung ương Đông Dương đã đặt móng cho một số hoạt động cơ bản của Thư viện Quốc gia ngày nay. Tiêu biểu là việc thiết lập chế độ nhận lưu chiểu ở Đông Dương và biên soạn Thư mục thống kê.

3.2 Ảnh hưởng của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc tới văn hóa Việt Nam

3.2.1. Môi trường thuận lợi cho giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông – Tây

3.2.1.1. Phương tiện tiếp nhận văn hóa phương Tây

Các ấn phẩm in, báo và tạp chí trở thành phương tiện quan trọng cho sự giao lưu văn hóa Pháp - Việt đem đến một luồng tư tưởng mới, làm thay đổi lối tư duy từ duy cảm vốn có của người Việt Nam sang lối tư duy duy lý của các trí thức, các nhà nghiên cứu Việt Nam. Thư viện Việt Nam đã trở thành một trung tâm lưu giữ những ấn phẩm về các lĩnh vực khoa học, lịch sử, xã hội và nhân văn.

Thư viện lưu giữ toàn bộ các ấn phẩm định kỳ, nguồn dữ liệu phong phú phục vụ cho nghiên cứu trong các lĩnh vực chưa từng xuất hiện trước đây trong thư viện ở Việt Nam.

Thư viện cũng là một công cụ quan trọng tác động mạnh đến giáo dục ở Việt Nam thời Pháp thuộc biểu hiện ở việc ưu tiên đối tượng trong ngành giáo dục.

3.2.1.2. Trung tâm truyền bá các giá trị văn hoá Việt Nam trong nước và thế giới

Các cuộc triển lãm tư liệu trong nước và nước ngoài là một cơ hội để giới thiệu văn hóa Pháp, hình ảnh con người và văn hóa Đông Dương tới thế giới; xúc tiến du lịch, thương mại và đầu tư và mở rộng những hiểu biết về lịch sử và văn hóa của đất nước.

Chế độ lưu chiểu ở Đông Dương không chỉ góp phần làm giàu kho sách của Thư viện Trung ương Đông Dương mà còn góp phần quan trọng trong việc quản lý thống nhất nguồn tài liệu xuất bản, góp phần giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam với nhân dân Pháp và thế giới thông qua các xuất bản phẩm lưu chiểu tại Thư viện Quốc gia Pháp.

3.2.1.3. Tiếp thu hài hòa phong cách kiến trúc thư viện phương Tây

Trong hoàn cảnh hạn hẹp về kinh phí dành cho cơ sở vật chất thư viện, Thư viện Đông Dương đã có những cố gắng nhất định trong việc cải tạo các tòa nhà theo kiến trúc châu Âu dành cho các thư viện. Kiến trúc của thư viện mang phong cách cổ điển và lãng mạn, hiền hòa rất phù hợp với con người Việt Nam đem lại sự tĩnh tại, hòa hợp với thiên nhiên. Thiết kế không gian kho tàng, phòng tra cứu và phòng đọc bên trong tòa nhà thư viện được thiết kế khoa học về ánh sáng, cây xanh, bàn ghế, giá tủ bố trí trong phòng đọc.

3.2.2. Bảo tồn di sản văn hóa thành văn của dân tộc

Chính quyền thuộc địa đã đầu tư sửa sang thiết kế, bố trí lại phòng đọc của thư viện Bảo Đại, Văn thơ viện, xây dựng mục lục và các công cụ tra cứu, mở cửa phục vụ công chúng các tài liệu của Vua Gia Long, Minh Mạng giúp cho những tài liệu lịch sử quý giá này của triều Nguyễn còn lưu giữ được đến ngày nay.

3.2.3. Công cụ phục vụ mục tiêu khai thác thuộc địa và nô dịch

Bị chi phối bởi chính sách thuộc địa, nên bên cạnh những đóng góp tích cực, thư viện Việt Nam trở thành một trong những công cụ truyền bá văn hóa Pháp, nô dịch và kìm hãm văn hóa Việt Nam. Báo chí, một bộ phận của thành phần của vốn tài liệu trong các thư viện,

trở thành một trong những công cụ thực hiện mục tiêu xâm lược văn hóa của thực dân Pháp. Thành phần vốn tài liệu mất cân đối rõ nét thể hiện chính sách thuộc địa của thực dân Pháp: không phát triển khoa học kỹ thuật; dùng văn học, báo chí để tuyên truyền văn hóa Pháp; thừa nhận chế độ cai trị của Pháp. Việc phân biệt trong sử dụng nguồn nhân lực và đối tượng sử dụng thư viện đã hạn chế việc tiếp cận văn hóa và khoa học công nghệ của nhân dân ta.

Chính quyền thuộc địa còn chủ trương nghiêm cấm các ấn phẩm có tư tưởng chống đối, các ấn phẩm tiến bộ phản ánh tiếng nói của nhân dân, những tờ báo cách mạng nên, những tài liệu này đã không thể có mặt trong các thư viện. Đây chính là nguyên nhân của sự hạn chế trong tuyên truyền, sáng tạo văn hóa của nhân dân ta.

Tiểu kết chương 3

Chính quyền thuộc địa đã áp dụng phương pháp tổ chức và hoạt động thư viện hiện đại phương Tây làm đổi mới hoàn toàn hoạt động thư viện ở Việt Nam. Đây là tiền đề về lý luận và thực tiễn cho sự nghiệp thư viện Việt Nam sau này.

Thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đã có những tác động tích cực, làm biến đổi và phát triển văn hóa Việt Nam. Thư viện trở thành trung tâm tàng trữ văn hóa phẩm của dân tộc, tạo môi trường thuận lợi cho giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông - Tây trên các lĩnh vực giáo dục, văn học, nghệ thuật. Đặc biệt, thư viện thời kỳ này đã góp phần làm thay đổi tư duy khoa học của tầng lớp trí thức và thói quen tiếp nhận thông tin đại chúng của người Việt Nam.

Tuy nhiên, chính quyền thuộc địa đã chủ đích sử dụng thư viện để nô dịch và kìm hãm việc tiếp cận khoa học công nghệ của nhân dân ta. Việc phát triển không đồng đều vốn tài liệu, hạn chế tiếp cận thư viện và việc cấm đoán ấn phẩm tiến bộ đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của văn hóa Việt Nam.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

1. Thời kỳ Pháp thuộc, toàn bộ nền kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa Việt Nam có những biến đổi lớn và phức tạp. Nền kinh tế Việt Nam trở nên què quặt, mất cân đối. Xã hội Việt Nam, dưới tác động của nền kinh tế có yếu tố tư bản và chính sách thuộc địa, đã hình thành những giai cấp mới. Văn hóa Việt Nam chịu những tác động mạnh mẽ của văn minh phương Tây và có những biến đổi căn bản. Bên cạnh một nền văn hóa truyền thống, hình thành một nền văn hóa mới sản phẩm của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông - Tây.

Trong bối cảnh lịch sử như vậy, thư viện Việt Nam ra đời, phát triển và chịu nhiều ảnh hưởng của chính sách khai thác thuộc địa. Sự phát triển của thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc cơ bản được chia thành hai giai đoạn 1858 – 1917 và 1917 – 1945 với nhiều biến đổi.

2. Đứng trên quan điểm phát triển, thư viện Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đã có những chuyển biến tích cực.

Thư viện chuyển từ mô hình tổ chức và hoạt động kiểu cũ sáng mô hình thư viện kiểu mới với hai loại thư viện công cộng và chuyên ngành. Thư viện chuyển từ tự phát, đặt trong các cơ quan hành chính sang chuyên nghiệp, có trụ sở riêng. Mạng lưới thư viện dần hình thành. Pháp áp dụng những thành tựu khoa học đương thời trong lĩnh vực thư viện vào Việt Nam.

Sự xuất hiện thư viện công cộng bước đầu hướng tới các tầng lớp nhân dân, làm thay đổi thói quen tiếp cận thông tin đại chúng của người Việt Nam. Thư viện thỏa mãn nhu cầu đọc bằng nhiều phương thức khác nhau: tại chỗ, mượn về nhà, phòng đọc dành cho thiếu nhi và phục vụ lưu động.

Vấn đề quản lý nhà nước sự nghiệp thư viện lần đầu tiên được đặt ra thông qua các văn bản pháp qui của chính quyền thuộc địa, tạo hành lang pháp lý cho tổ chức mạng lưới và hoạt động thư viện trên toàn Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

Việc xây dựng và phát triển vốn tài liệu bằng nhiều phương thức khác nhau, đặc biệt là phương thức lưu trữ, thư viện Việt

Nam đã trở thành một kho tàng ấn phẩm thành văn lớn nhất ở Đông Dương, góp phần tích cực thúc đẩy quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa Đông - Tây.

Thư viện là phương tiện tiếp nhận văn hóa phương Tây thông qua nguồn tài liệu du nhập từ Pháp và nước ngoài. Điều này đã mang đến một luồng tư tưởng mới, làm thay đổi tư duy của tầng lớp trí thức Việt Nam.

3. Thư viện Việt Nam thời Pháp thuộc đã có những biến đổi mang tính tiêu cực. Các thư viện thời Pháp thuộc được thành lập chủ yếu nhằm giải quyết việc đào tạo và phục vụ lớp trí thức người Pháp và bộ máy của chính quyền thuộc địa. Thư viện được thành lập với mục đích trở thành công cụ thực hiện mục tiêu nô dịch và xâm lăng văn hóa. Việc hạn chế thành phần vốn tài liệu dẫn đến việc tiếp cận tri thức một cách phiến diện, hạn chế sự phát triển khoa học kỹ thuật.

4. Nhìn chung, hoạt động của thư viện thời Pháp thuộc đã để lại những dấu ấn lớn đối với sự nghiệp thư viện và văn hóa Việt Nam. Hoạt động của thư viện Việt Nam thời Pháp thuộc là tiền đề cho những lý luận và thực tiễn thư viện học hiện đại của Việt Nam sau khi đất nước hoàn toàn độc lập và hội nhập với quốc tế.

Kiến nghị

Từ việc nghiên cứu thực trạng tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam thời kỳ này, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

1. *Nâng cao vai trò của quản lý Nhà nước về thư viện*: Để thư viện trở thành một phương tiện góp phần đưa Việt Nam xây dựng một nền kinh tế tri thức, các cấp quản lý cần quan tâm kịp thời và hiệu quả bằng việc nhanh chóng ban hành các văn bản pháp quy. Các nhà quản lý ngành, các nhà thư viện học phải là những người tiên phong trong công tác soạn thảo, đảm bảo tính pháp lý, khoa học và chuyên nghiệp.

2. *Vận dụng thành tựu khoa học công nghệ một cách hợp lý*: Mặc dù đã tiếp thu những thành quả tiến bộ từ thư viện Việt Nam thời Pháp thuộc, nhưng một số thành tựu của sự nghiệp thư viện thời kỳ này chưa được đánh giá và kế thừa đầy đủ. Tiêu biểu như trong thiết kế kho tàng và bảo quản tài liệu. Các cơ quan lưu trữ và thư viện ngày nay đã bỏ hệ thống thông gió tự nhiên trong thiết kế kho tàng cũ

và thay vào là hệ thống máy móc hiện đại nhưng chi phí năng lượng cao và không thực sự hiệu quả.

3. *Chú trọng kỹ năng thực hành của nguồn nhân lực*: Vấn đề thực hành kỹ năng rất được quan tâm trong tất cả các nội dung chương trình đào tạo nhân lực thư viện thời kỳ Pháp thuộc. Hiện nay, vấn đề này vẫn chưa được quan tâm đúng mức trong các chương trình đào tạo nhân lực thư viện hiện nay nên các học phần thuộc ngành thông tin - thư viện cần chú trọng nội dung thực hành.

4. *Thực hiện chuẩn hóa trong các khâu hoạt động thư viện*: Vấn đề chuẩn hóa các khâu hoạt động thư viện cần được thể chế bằng văn bản và được tập huấn đầy đủ cũng như thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện. Công việc này không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo sự thống nhất các khâu hoạt động thư viện mà còn trong việc đồng bộ dữ liệu và chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện, tiết kiệm kinh phí, phục vụ người đọc với hiệu quả và chất lượng cao nhất.

5. *Tổ chức kho mở trong các thư viện công cộng lớn*: Tổ chức kho mở trong các thư viện lớn, đặc biệt là thư viện các trường đại học nhằm tạo điều kiện tiếp cận thông tin chủ động và hiệu quả nhất cho người đọc. Công việc này đã được thực hiện tốt trong các thư viện thời kỳ Pháp thuộc. Tuy nhiên, không phải tất cả các thư viện Việt Nam hiện nay đều thực hiện điều này vì những lý do khác nhau như thiếu thôn cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm soát người đọc, tài liệu và ý thức kém của người đọc. Để kho mở được tổ chức thành công và phổ biến, nhà nước cần quan tâm đầu tư về ngân sách, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và đào tạo người dùng tin.

6. *Tổ chức hình thức phục vụ lưu động đến vùng sâu, vùng xa*: Hình thức phục vụ này đã được áp dụng khá hiệu quả ở Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc. Tuy nhiên, hình thức phục vụ này đã không được tiếp tục duy trì thường xuyên và rộng khắp ở Việt Nam từ sau năm 1945 đến nay. Để duy trì và phát triển hình thức phục vụ lưu động, nhà nước và các cấp quản lý cần thể chế hóa bằng văn bản nhằm đưa hình thức phục vụ này vào hoạt động của mạng lưới thư viện; cung cấp ngân sách trang bị phương tiện cũng như bổ sung vốn tài liệu đều đặn. Việc triển khai tốt hình thức phục vụ này sẽ góp phần nâng cao dân trí, văn hóa đọc và làm giàu đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân vùng sâu, vùng xa.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NGHIÊN CỨU SINH
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Thanh Huyền (2009), “Về sự ra đời của Thư viện ở Đông Dương”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 300 (tháng 6), tr.77-79.
2. Lê Thanh Huyền (2012), “Chế độ lưu chiều ở Đông Dương thời kỳ Pháp thuộc”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 6 (tháng 11), tr.15-19, 43.
3. Lê Thanh Huyền (2012), “Hoạt động của thư viện Quốc gia Việt Nam thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 114 (tháng 10), tr.13 -17.
4. Lê Thanh Huyền (2013), “Hoạt động của thư viện lưu động ở Việt Nam thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 345 (tháng 3), tr.63 -65.
5. Lê Thanh Huyền (2013), “Hoạt động của thư viện Sài Gòn thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 343 (tháng 1), tr.69-73./.